

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2017/HSST
Ngày 19/9/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Khắc Nghĩa.

2. Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Long, Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 68/2017/HSST ngày 05 tháng 9 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1978, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch; Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Đạo thiên chúa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 04/12; Bố đẻ: Nguyễn Văn N, sinh năm 1959; Mẹ đẻ: Hoàng Thị S, sinh năm 1958; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Đinh Vân A, sinh năm 1980 (Đã ly hôn); Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2001, nhỏ sinh năm 2005.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/07/2017, chuyển tạm giam ngày 28/07/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

2. Họ và tên: **Phạm Văn T1**, (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1975, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn T, xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch; Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12; Bố đẻ: Phạm Văn A, sinh năm 1950; Mẹ đẻ: Lê Thị D, sinh năm 1951; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Đinh Thị T, sinh năm 1978; Con: có 03 con, con lớn sinh năm 2000, nhỏ sinh năm 2006.

Tiền án: Tại bản án số 17 ngày 16/03/2017 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt Phạm Văn T1 14.000.000đ, về tội “Đánh bạc”. Án phí hình sự bị cáo phải nộp 200.000đ, Phạm Văn T1 đã thi hành xong hình phạt tiền và án phí hình sự ngày 24/7/2017.

Tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 26/07/2017, chuyển tạm giam ngày 28/07/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình, (có mặt).

3. Họ và tên: **Lê Văn T2**, (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1979, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn L, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch; Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Không; Đảng phái: Đảng viên đảng cộng sản Việt nam đã bị đình chỉ sinh hoạt ngày 06/9/2017; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12; Bố đẻ: Lê Minh T (Đã chết); Mẹ đẻ: Lê Thị M, sinh năm 1953; Gia đình 06 anh em, bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Nguyễn Thị L, sinh năm 1981; Con: có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 24/07/2017, đến ngày 28/07/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, (có mặt).

4. Họ và tên: **Trần Văn Đ**, (Tên gọi khác: Không); Sinh năm 1983, tại N - Ninh Bình; Trú tại: thôn T, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Quốc tịch; Việt Nam; Dân tộc: kinh; Tôn giáo: Đạo thiên chúa; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá: 09/12; Bố đẻ: Trần Văn N, sinh năm 1949; Mẹ đẻ: Vũ Thị V, sinh năm 1954; Gia đình có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Mai Thanh H, sinh năm 1984; Con: có 01 con, sinh năm 2006.

Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 24/07/2017, đến ngày 28/07/2017 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, (có mặt).

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Văn T2, Trần Văn Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện N truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 24/12/2017, Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Văn T2, Trần Văn Đ sau khi cùng nhau ăn sáng xong, Nguyễn Văn T đã rủ T1, T2, Điễn đánh bạc, tất cả cùng đồng ý. Nguyễn Văn T chuẩn bị một bộ bài lơ khơ 52 quân và một chiếu nhựa sau đó cùng T1, T2, Đ đến ngôi nhà bỏ hoang ở thôn T, xã V, huyện N để đánh bạc. Trước khi đánh bạc T, T1, T2, Đ thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh “Sâm Lốc” được thua bằng tiền quy định mức cá cược cho mỗi ván

bài người thua bạc phải trả cho người thắng bạc căn cứ vào các lá bài còn đang cầm trên tay là 20.000^d/1 lá, riêng các ván bài có người chơi không đánh được con bài nào họ phải trả 300.000^d và trong ván bạc có người chơi báo Sâm thì tất cả số người chơi còn lại phải trả cho người báo sâm số tiền 400.000^d không căn cứ vào các lá bài đang cầm trên tay. Đến 14 giờ 30 phút ngày 24/07/2017 khi Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Văn T2, Trần Văn Đ đang đánh bạc đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N phát hiện bắt quả tang. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền 14.500.000^d, 01 chiếu nhựa; 01 bộ bài lơ khơ 52 quân; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S màu trắng; 01 ví da màu đen bên trong có 01 thẻ căn cước công dân, 01 thẻ khách hàng sử dụng điện đều mang tên Nguyễn Văn T và thu của Lê Văn T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu trắng, thu của Trần Văn Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh.

Lợi dụng sơ hở trong quá trình bắt giữ Nguyễn Văn T và Phạm Văn T1 đã vơ số tiền 3.500.000^d bỏ chạy thoát. Đến ngày 25/07/2017 Nguyễn Văn T, ngày 26/07/2017 Phạm Văn T1 lần lượt ra ra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại bản cáo trạng số 66/CT-VKS ngày 05/9/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Văn T2, Trần Văn Đ về tội “Đánh bạc”, áp dụng Điều 248 khoản 1, khoản 3 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về nội dung bản cáo trạng và khai nhận: Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 24/12/2017 sau khi cùng nhau ăn sáng xong, Nguyễn Văn T đã rủ Tuyên, Thuyên, Diễm đánh bạc, tất cả cùng đồng ý. Nguyễn Văn T chuẩn bị một bộ bài lơ khơ 52 quân và một chiếu nhựa sau đó cùng T1, T2, Đ đến ngôi nhà bỏ hoang ở thôn T, xã V, huyện N để đánh bạc. Trước khi đánh bạc T, T1, T2, Đ thống nhất đánh bạc bằng hình thức đánh “Sâm Lóc” được thua bằng tiền với số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 18.000.000^d bị bắt quả tang.

Tại phần tranh luận kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, không thay đổi bổ sung gì và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Văn T2, Trần Văn Đ đều phạm tội “Đánh bạc”.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, Xử phạt: Phạm Văn T1 từ 05 đến 08 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 26/7/2017; Phạt bổ sung bị cáo từ 04 đến 06 triệu đồng;

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, Xử phạt:

+ Nguyễn Văn T từ 03 đến 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/7/2017; Phạt bổ sung bị cáo từ 04 đến 06 triệu đồng;

+ Lê Văn T2 từ 12.000.000^d đến 15.000.000^d;

+ Trần Văn Đ từ 12.000.000^d đến 15.000.000^d;

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự; Điều 76 khoản 2 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 14.500.000^d các bị cáo đã sử dụng đánh bạc;

+ Truy thu của các bị cáo Nguyễn Văn T và Phạm Văn T1 số tiền 3.500.000^d theo phần mỗi bị cáo 1.750.000^d.

+ Tịch thu tiêu huỷ 01 chiếc nhựa, 01 bộ tú lơ khơ 52 quân là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S màu trắng, 01 ví da màu đen bên trong có 01 thẻ căn cước công dân và 01 thẻ khách hàng sử dụng điện đều mang tên Nguyễn Văn T nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

Các bị cáo không có ý kiến, tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai người làm chứng, biên bản bắt người phạm tội quả tang, vật chứng đã thu giữ và nội dung bản cáo trạng. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận hồi 14 giờ 30 phút ngày 24/07/2017, tại ngôi nhà bỏ hoang ở thôn Thành Tây, xã V, huyện N. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1 Lê Văn T2, Trần Văn Đ đã sử dụng 52 quân bài tú lơ khơ đánh bạc bằng hình thức “Đánh Lốc” được thua bằng tiền, với số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 18.000.000^d bị bắt quả tang;

* Điều 248 Bộ luật hình sự quy định.

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng đã bị kết án về tội này hoặc tội quy định tại điều 249 của Bộ luật này, chưa

được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm.

2

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng.

Như vậy, hành vi nêu trên của các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Văn T2, Trần Văn Đ đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” được quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, được quy định trong Bộ luật hình sự. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực hành vi, trách nhiệm hình sự và độ tuổi theo qui định, thực hiện hành vi do lỗi cố ý. Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự, thấy: hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại bản cáo trạng, lời luận tội, chứng cứ buộc tội các bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên toà là có căn cứ.

Đây là vụ án có đồng bị cáo tham gia nhưng không có sự bàn bạc, phân công từ trước do vậy chỉ là đồng phạm giản đơn; để quyết định hình phạt tương xứng với vai trò của từng bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đều là những người nông dân lao động thuần túy nhưng không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân làm ăn lương thiện, thích chơi bời bằng những cuộc “đò đen” sát phạt nhau.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi sự, rủ các bị cáo khác đánh bạc và chuẩn bị một bộ bài lơ khơ 52 quân và một chiếc nhựa để thực hiện việc đánh bạc, đồng thời sử dụng số tiền 6.000.000^d vào việc đánh bạc, vì vậy bị cáo giữ vai trò đầu trong vụ án.

Đối với các bị cáo T1, T2 và Đ đều là đồng phạm trong vụ án. Trong đó T1 sử dụng số tiền 3.000.000^d vào việc đánh bạc; T2 sử dụng số tiền 4.000.000^d vào việc đánh bạc; Đ sử dụng số tiền 5.000.000^d vào việc đánh bạc.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo T, T2, Đ đều không có;

Bị cáo T1 tại bản án số 17 ngày 16/3/2017 Tòa án nhân dân huyện N xử phạt 14.000.000^d về tội “Đánh bạc” chưa được xóa án tích, lại phạm tội mới nên thuộc trường hợp “Tái phạm” và phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo T, T2, Đ đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên toà đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải được áp

dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Bị cáo T1 quá trình điều tra và tại phiên toà thành khẩn khai báo; Bố bị cáo là ông Phạm Văn A có thời gian phục vụ trong quân đội bị nhiễm chất độc hóa học hiện đang là bệnh binh và được tặng thưởng huân chương chiến sỹ vẻ vang là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của từng bị cáo, Hội đồng xét xử thấy: Đối với các bị cáo T, T1 cần phải xử phạt mỗi bị cáo một mức hình phạt, tương xứng với tính chất mức độ phạm tội của mỗi bị cáo đã gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tạo điều kiện cho các bị cáo rèn luyện, cải tạo thành người có ích cho gia đình và xã hội. Đối với các bị cáo T2, Đ chỉ cần áp dụng mức hình phạt tiền đối với các bị cáo cũng đủ để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung, theo qui định tại khoản 3 Điều 248 của Bộ luật hình sự quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng”; Do đó đối với các bị cáo T, T1 cần áp dụng thêm hình phạt bổ sung là phạt tiền từ ba triệu đồng đến năm triệu đồng để sung công quỹ Nhà nước. Đối với các bị cáo T2, Đ do các bị cáo bị áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Quá trình điều tra xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J7 màu trắng thu của Lê Văn T2, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh thu của Trần Văn Đ đã xác định là tài sản hợp pháp của T2, Đ không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo; Cơ quan điều tra đã trả lại cho T2 và Đ là phù hợp.

- Quá trình điều tra thu giữ:

+ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S màu trắng, 01 ví da màu đen bên trong có 01 thẻ căn cước công dân và 01 thẻ khách hàng sử dụng điện đều mang tên Nguyễn Văn T xác định không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo T.

- 01 bộ bài lơ khơ 52 quân, 01 chiếc nhựa các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 14.500.000^d các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

Các biện pháp tư pháp: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận đã sử dụng số tiền 18.000.000^d vào mục đích đánh bạc. Các bị cáo T và T1 còn khai nhận khi bỏ chạy, các bị cáo đã vơ tiền trong lòng các bị cáo bỏ chạy nhưng không xác định được cụ thể là bao nhiêu tiền vì trong quá trình bỏ chạy các bị cáo đều đã làm rơi toàn bộ số tiền đó; cơ quan điều tra đã không thu giữ được cũng như không xác định số tiền mỗi bị cáo cầm bỏ chạy là bao nhiêu; Vì vậy, không có căn cứ để buộc các bị cáo T và T1 nộp lại số tiền trên.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật và có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Văn T2, Trần Văn Đ đều phạm tội “Đánh bạc”;

1.1 Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Nguyễn Văn T 3 (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/7/2017. Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000^d (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

1.2. Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Xử phạt: Phạm Văn T1 4 (bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/7/2017. Phạt bổ sung bị cáo 3.000.000^d (Ba triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 248; điểm h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Xử phạt:

- Lê Văn T2 10.000.000^d (Mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

- Trần Văn Đ 10.000.000^d (Mười triệu đồng) để sung công quỹ Nhà nước;

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đối với khoản tiền phạt mà các bị cáo phải thi hành cho đến khi thi hành xong hàng tháng các bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo qui định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự; căn cứ điểm a, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

2.1. Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 14.500.000^d (Mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), số tiền 14.500.000^d hiện đang ở tài khoản Chi cục Thi hành án dân sự huyện N tại kho bạc Nhà nước huyện N, theo uỷ nhiệm chi số 42 lập ngày 19/9/2017.

2.2. Tịch thu tiêu huỷ 52 quân bài tứ lơ khơ và 01 chiếu nhựa;

2.3. Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo F1S màu trắng, 01 ví da màu đen

bên trong có 01 thẻ căn cước công dân và 01 thẻ khách hàng sử dụng điện đều mang tên Nguyễn Văn T.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 19/9/2017 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1, 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T, Phạm Văn T1, Lê Văn T2, Trần Văn Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THA. DS huyện N;
- Thi hành án H.Sự;
- Lưu (Hồ sơ, V.phòng);
- (Thông báo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Bình